

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh (lần 2) Thông tin tuyển sinh năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 31-CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19/11/2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐT ngày 21/6/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non;

Căn cứ Quyết định số 488/QĐ-ĐHKTCN ngày 18/03/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1242/QĐ-ĐHKTCN ngày 29/05/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp về việc phê duyệt điều chỉnh Thông tin tuyển sinh năm 2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Tuyển sinh & Truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh số lượng tuyển sinh (chỉ tiêu) của một số ngành đào tạo trình độ đại học chính quy và bổ sung phương thức xét tuyển (Phương thức khác, mã xét tuyển: 500) áp dụng đối với thí sinh dự bị đại học và lưu học sinh trong Thông tin tuyển sinh năm 2026 của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Các đơn vị thuộc Trường căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện theo Thông tin tuyển sinh được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giám đốc Trung tâm Tuyển sinh & Truyền thông, Trưởng các đơn vị có liên quan trong Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (b/c);
- Đại học Thái Nguyên (b/c);
- Các PHT (b/c);
- Như Điều 3 (t/hiện);
- Lưu VT, TTTS&TT (C05b).



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Ngô Như Khoa

PHỤ LỤC

Danh sách các ngành điều chỉnh

chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy năm 2026 và bổ sung phương thức xét tuyển

*(Kèm theo Quyết định số: 1421/QĐ-ĐHKTCN, ngày 17 tháng 6 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp)*

1. Danh sách các ngành điều chỉnh chỉ tiêu

TT	Ngành học	Mã ngành	Mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu cũ	Chỉ tiêu mới (sau điều chỉnh)
1	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7520216	TDH	A00; A01; C01; C02; D01; D07	550	655
2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	CDT	A00; A01; C01; C02; D01; D07	298	350
3	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	CDK	A00; A01; C01; C02; D01; D07	350	400
4	Quản lý công nghiệp	7510601	QLC	A00, A01, X05(A10), D01, D07, X25(D84)	80	120
5	Tự động hóa cơ khí – Chương trình tiên tiến đào tạo bằng tiếng Anh	7905218	CTT	A00; A01; C01; C02; D01; D07	40	100
6	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114	KCT	A00; A01; C01; C02; D01; D07	290	320
7	Công nghệ khuôn mẫu	7510201	CKM	A00; A01; C01; C02; D01; D07	50	60
8	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	7520103	KTC1	A00; A01; C01; C02; D01; D07	50	90
9	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	KVT	A00; A01; C01; C02; D01; D07	100	117
10	Kỹ thuật Robot	7520107	KRB	A00; A01; C01; C02; D01; D07	40	75
11	Công nghệ Cơ khí số	7510201	CKS	A00; A01; C01; C02; D01; D07	30	60
12	Kỹ thuật xây dựng	7580201	KXD	A00; A01; C01; C02; D01; D07	30	33
13	Công nghệ chế tạo máy	7510202	CTM	A00; A01; C01; C02; D01; D07	60	100
14	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	7510205	CT01	A00; A01; C01; C02; D01; D07	70	110

15	Hệ thống điều khiển công nghiệp – Chương trình tiên tiến đào tạo bằng tiếng Anh	7905228	DTT	A00; A01; C01; C02; D01; D07	30	50
16	Kinh tế công nghiệp	7510604	KCN	A00; A01; C01; C02; D01; D07	40	70
17	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	7520116	KD01	A00; A01; C01; C02; D01; D07	30	40
18	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	7520116	KD02	A00; A01; C01; C02; D01; D07	30	50
19	Kỹ thuật môi trường	7520320	KTM	A00; B03; C01; C02; D01; D07	30	50
20	Kỹ thuật vật liệu	7520309	KVL	A00; A01; C01; C02; D01; D07	30	50
21	Logistics	7510601	QLC1	A00; A01; C01; C02; D01; D07	50	60

2. Bổ sung phương thức xét tuyển

Bổ sung Phương thức 5: Phương thức khác (Mã xét tuyển: 500) áp dụng cho các thí sinh dự bị đại học và lưu học sinh.

